

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ LONG XUYỀN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 124/2025/HNGĐ-ST
Ngày 23 tháng 6 năm 2025
“V/v Tranh chấp về hôn nhân gia
đình ly hôn, tranh chấp về
nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG XUYỀN, TỈNH AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Trung Kiên.
- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Trần Thanh Việt và ông Nguyễn Tấn Hậu.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Kiệt, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Ngọc Minh C – Kiểm Sát Viên.

Ngày 23 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 108/2025/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 02 năm 2024 về việc “Tranh chấp về hôn nhân và gia đình ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 314/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 5 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 323/2025/QĐST-HNGĐ ngày 04 tháng 6 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Ánh T, sinh năm 1996; nơi cư trú: số A L, khóm B, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang; vắng mặt;

- *Bị đơn:* Ông Huỳnh Thanh T1, sinh năm 1996; nơi cư trú: lô D C, khóm Đ, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang; vắng mặt;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, biên bản lấy lời khai nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ánh T trình bày, giữa bà với ông Huỳnh Thanh T1 quen biết từ năm 2011, khi đang học trung học cơ sở, hai bên quen biết là hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc, đến năm 2016 sau khi đủ tuổi đăng ký kết hôn mới thực hiện đăng

ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường M, thành phố L. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại gia đình nhà bà T, vợ chồng sống hạnh phúc thời gian, nhưng trong thời gian chung sống thường xuyên có những bất đồng, không đồng thuận trong cuộc sống vợ chồng, từ khi bà có thai con thứ 3, được khoảng 4 tháng là hai vợ chồng có mâu thuẫn trầm trọng, do ông T1 thường xuyên nhậu nhẹt, không chăm lo cho đời sống gia đình, bà đã cho ông T1 nhiều cơ hội nhưng ông T1 không thay đổi; đến cuối năm 2024 thì do ông T1 không thay đổi, nên vợ chồng đã không còn chung sống, nay tình cảm không còn nên bà đề nghị ly hôn với ông T1.

Về con chung: Vợ chồng bà có 03 con chung tên Huỳnh Thanh T2, sinh ngày 28/5/2013, Huỳnh Thanh S, sinh ngày 29/8/2015 và Huỳnh Thanh G, sinh ngày 30/4/2024, từ nhỏ các con đã sống chung với bà và gia đình bên ngoại tại đại chỉ số 1 L, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang, bà là người trực tiếp chăm sóc các con, ông T1 ít khi chăm sóc, nên sau khi ly hôn bà yêu cầu nuôi con chung, không yêu cầu ông T1 phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: bà T và ông T1 có nợ chung nhưng không yêu cầu toà giải quyết.

Bị đơn ông Huỳnh Thanh T1 vắng mặt trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, nên không ghi nhận được ý kiến.

Tài liệu, chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của bà T là: đơn khởi kiện, bản tự khai, giấy chứng nhận kết hôn, giấy khai sinh của các con và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Tại phiên tòa:

- Bà Nguyễn Thị Ánh T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, ông Huỳnh Thanh T1 vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 không có lý do.

- Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Đối với nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Ánh T đã thực hiện đúng theo quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn ông Huỳnh Thanh T1 chưa thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về việc giải quyết vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Ánh T được ly hôn với ông Huỳnh Thanh T1;

- Về con chung: Giao 03 con chung tên Huỳnh Thanh T2, Huỳnh Thanh S và Huỳnh Thanh G cho bà T tiếp tục nuôi dưỡng. Ông T1 không phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại các Điều 9, 19, 51, 56, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình xem xét, quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

- Bà Nguyễn Thị Ánh T khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Huỳnh Thanh T1, theo xác minh của cán bộ Tòa án, thì hiện nay ông T1 đang cư trú tại địa bàn thành phố L, tỉnh An Giang, nên việc bà T khởi kiện yêu cầu ly hôn, cũng như yêu cầu về con chung, không yêu cầu về tài sản chung, nợ chung với ông T1 là phù hợp quy định pháp luật tố tụng dân sự. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án, cũng như xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

- Về sự vắng mặt của người tham gia tố tụng tại phiên tòa: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho đương sự theo quy định, bà T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; ông T1 vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2, nên Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: bà Nguyễn Thị Ánh T tại đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án xác định hôn nhân là do tự nguyện, khi kết hôn có đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 8, 9 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, nên được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Xét về quan hệ hôn nhân, mâu thuẫn trong hôn nhân, Hội đồng xét xử xét thấy: theo lời trình bày tại đơn khởi kiện, bản tự khai, ghi nhận ý kiến của bà T trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, thì giữa bà T và ông T1 đã có thời gian không sinh sống chung cũng như không quan hệ vợ chồng từ khoảng cuối năm 2024 đến nay, trong giai đoạn chuẩn bị xét xử Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho ông T1, cũng như đã tổng đạt các quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa, nhưng ông T1 cũng không có ý kiến về yêu cầu ly hôn của bà T, có nghĩa ông T1 đã từ bỏ quyền, nghĩa vụ tham gia tố tụng của mình trong quá trình giải quyết vụ án, bà T xác định không thể hàn

gắn tình cảm với ông T1, mâu thuẫn vợ chồng do ông T1 có không chăm lo cho gia đình, bà T mặc dù đã tạo nhiều cơ hội cho ông T1, nhưng ông cũng không thay đổi. Xét thấy, hôn nhân phải trên sự vun đắp từ cả hai, cùng xây dựng hạnh phúc thì mới xây dựng gia đình bền chặt, gắn kết được, nhưng do ông T1 không mong muốn hàn gắn tình cảm, bà T xác định cũng không còn tình cảm với ông T1, nên mâu thuẫn trong hôn nhân giữa bà T và ông T1 là trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, việc bà T yêu cầu ly hôn là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T.

[2.2] Về quan hệ con chung: Bà Nguyễn Thị Ánh T và ông Huỳnh Thanh T1 có 03 con chung tên Huỳnh Thanh T2, sinh ngày 28/5/2013, Huỳnh Thanh S, sinh ngày 29/8/2015 và Huỳnh Thanh G, sinh ngày 30/4/2024, bà T đề nghị nuôi con chung, giai đoạn chuẩn bị xét xử, Tòa án đã ghi nhận ý kiến của con chung, các cháu T2, S đều mong muốn sống chung với bà T, nên để ổn định về tâm sinh lý của các cháu, cũng là phù hợp với yêu cầu của bà T, cháu G còn nhỏ chưa đủ 36 tháng tuổi, nên Hội đồng xét xử xét căn cứ Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của bà T về nuôi con.

Về cấp dưỡng nuôi con: bà T không yêu cầu ông T1 phải cấp dưỡng nuôi con, ông T1 cũng không có ý kiến về cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không xem xét, quyết định.

[2.3] Về tài sản chung: bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đề cập xem xét, giải quyết.

[2.4] Về nợ chung: bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đề cập xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Ánh T phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Ông Huỳnh Thanh T1 không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

[4] Về quyền kháng cáo: các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 5, Điều 9, Điều 19, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, các Điều 56, 57, 81, 82, và Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều

39, các Điều 144, 147, 227, 228, 238, 266, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ánh T đối với ông Huỳnh Thanh T1;

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Ánh T được ly hôn với ông Huỳnh Thanh T1.

- Về quan hệ con chung: Bà Nguyễn Thị Ánh T và ông Huỳnh Thanh T1 có 03 con chung tên Huỳnh Thanh T2, sinh ngày 28/5/2013, Huỳnh Thanh S, sinh ngày 29/8/2015 và Huỳnh Thanh G, sinh ngày 30/4/2024; tiếp tục giao các con chung tên Huỳnh Thanh T2, sinh ngày 28/5/2013, Huỳnh Thanh S, sinh ngày 29/8/2015 và Huỳnh Thanh G, sinh ngày 30/4/2024 cho bà T chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ông Huỳnh Thanh T1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Bà Nguyễn Thị Ánh T cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở ông Huỳnh Thanh T1 trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con chung, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng, thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

- Về quan hệ tài sản chung: không đề cập xem xét, giải quyết.

- Về nợ chung: không đề cập xem xét, giải quyết.

- Về án phí sơ thẩm: bà Nguyễn Thị Ánh T phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm 300.000 (ba trăm nghìn) đồng nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002241 do Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang cấp ngày 12 tháng 02 năm 2025; bà Nguyễn Thị Ánh T đã nộp đủ án phí.

Ông Huỳnh Thanh T1 không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

- Về quyền kháng cáo:

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo 15 (mười

lăm) ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án dân sự, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND thành phố Long Xuyên;
- Chi cục THADS thành phố Long Xuyên;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: hồ sơ; VP;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Trung Kiên

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thanh Việt Nguyễn Tấn Hậu

Nguyễn Trung Kiên